

DANH TỪ GHÉP + TÍNH TỪ GHÉP

Biên soạn: **Hoàng Việt Hưng**

Page: **English - Trick Master**

Group: **Hội những người quyết tâm đạt điểm 8 môn tiếng Anh thi Đại học.**

* **Cách học:** ghi chép lại các dạng và cả ví dụ - điều này vừa giúp nhớ lý thuyết và biết thêm từ mới.

DANH TỪ GHÉP (Compound Noun)

* Nguyên tắc đầu tiên để học Danh từ Ghép: **DỊCH NGƯỢC VỚI TIẾNG VIỆT.**

* Danh từ ghép nó vốn là Danh từ - tức là nó có các chức năng của Danh từ như:

- **Đứng đầu câu làm chủ ngữ:**

Vd: The bus stop is near. (bến xe buýt thì gần)

- **Đứng sau Động từ và Giới từ làm tân ngữ**

Vd: People are looking at the full moon. (Mọi người đang ngắm trăng tròn)

- **Đứng sau sở hữu cách:**

Vd: My headache (cơn đau đầu của tôi)

* Cách viết Danh từ ghép có 3 cách:

1. **Viết sát nhau:** headache (sự đau đầu)

2. **Ngăn cách nhau bằng dấu gạch ngang (-):** check-in: (sự kiểm tra lúc vào (khách sạn))

3. **Viết tách nhau:** table tennis (môn bóng bàn)

(việc viết như thế nào thường không có quy tắc nhất định. Tự phải thu nạp trong quá trình tra cứu.)

CÁC DẠNG CỦA DANH TỪ GHÉP

DẠNG 1: DANH TỪ + DANH TỪ

- **police station** = **police** (cảnh sát) + **station** (trạm, đồn)
(đồn cảnh sát)

- **headache** = **head** (cái đầu) + **ache** (con đau)
(sự đau đầu)

DẠNG 2: TÍNH TỪ + DANH TỪ

- **blackboard** = **black** (đen) + **board** (cái bảng)
(bảng đen)

- **full moon** = **full** (đủ) + **moon** (trăng)
(trăng tròn)

DẠNG 3: V+ing + DANH TỪ

- **wrapping paper** = **wrapping** (gốc là **wrap** (gói)) + **paper**
(giấy gói (quà))

- **washing machine** = **washing** (gốc là **wash** (giặt, rửa)) + **machine**
(máy giặt, rửa)

DẠNG 4: GIỚI TỪ + DANH TỪ

- **underground** = **under** (bên dưới) + **ground** (mặt đất)
(ngầm, dưới mặt đất)

- **inbox** = **in** + **box**
(hộp thư đến)

DẠNG 5: DANH TỪ + ĐỘNG TỪ

- **haircut** = **hair** (tóc) + **cut** (cắt)
(sự cắt tóc)

- **sunrise** = **sun** (mặt trời) + **rise** (mọc)
(bình minh)

DẠNG 6: DANH TỪ + V+ing

- **car-parking** = **car** (xe hơi) + **parking** (từ gốc **park** (đỗ xe))
(sự đỗ xe)

DẠNG 7: DANH TỪ + GIỚI TỪ + DANH TỪ

- **mother-in-law** = **mother** (mẹ) + **in law** (theo pháp luật)

(mẹ vợ, chồng)

* Khi muốn dùng số nhiều của dạng này thì chia số nhiều với từ ĐẦU TIÊN.

=> Những người mẹ vợ/ chồng = **mothers-in-law**

DẠNG 8: ĐỘNG TỪ + GIỚI TỪ

- **check-in** = **check**(kiểm tra) + **in** (đi vào)
(sự kiểm tra lúc vào (khách sạn))

DẠNG 9: DANH TỪ + TÍNH TỪ

- **spoonful** = **spoon** (cái thìa) + **ful(l)** (đầy đủ)
(lượng thức ăn đầy 1 thìa)

BÀI TẬP 1

1. My _____ has been broken. I need to buy a new one.
A. rod-fish B. rod-fishing C. fish-rod D. fishing-rod
2. _____ has become more and more popular among students in the school.
A. stamp collecting B. collected stamp C. collecting stamp D. stamp collected
3. The man left the hotel without his _____, leaving all his luggage there.
A. checking-out B. out-check C. check-out D. out-checking
4. Many women find it hard to get on well with their _____.
A. sister-in-laws B. sisters-in-law C. sisters-in-laws D. sister-ins-laws
5. In such a quiet night, each of us can heard our _____.
A. hearting beats B. beathearts C. heartbeats D. hearted-beats

6. _____ were first used in the mid-19th century and right away showed their effectiveness on battlefields.
A. gun machines
B. gunning machines
C. machine gunnings
D. machine guns
7. The man is showing the children how a _____ works.
A. grinded machine
B. grinding machine
C. machine grinding
D. machine grinded

TÍNH TỪ GHÉP (Compound Adjective)

- DỊCH Tính từ ghép cũng rất khó và khó hơn Danh từ ghép. Đòi hỏi khả năng phân tích và hiểu ý nghĩa câu.

* TÍNH TỪ GHÉP cũng có chức năng như Tính từ bình thường là: **BỔ NGHĨA CHO DANH TỪ:**

ví dụ: - well-known people: những người nổi tiếng

* TÍNH TỪ GHÉP đa số có **dấu gạch ngang** ở giữa các từ.

CÁC DẠNG CỦA DANH TỪ GHÉP

DẠNG 1: DANH TỪ + V-ing:

=> dạng này dùng khi Danh từ mà nó bổ nghĩa sử dụng hành động đấy.

- **chinese-speaking** = **chinese** (tiếng Trung) + **speaking** (nói-gốc là **speak**)
(nói tiếng Trung)

vd: - Chinese speaking club: câu lạc bộ nói tiếng Trung

- **water-loving** = **water** (nước) + **loving** (yêu, thích- gốc là **love**)
(thích nước, ưa nước)

vd: water-loving animals: động vật ưa nước.

DẠNG 2: DANH TỪ + V-p2

=> dạng này dùng khi Danh từ mà nó bổ nghĩa bị hành động đẩy tác động lên.

- **sun-dried** = **sun** (ánh nắng) + **dried** (làm cho khô – từ gốc là **dry**)
(được phơi khô dưới ánh nắng)

- **wind-powered** = **wind** (gió) + **powered** (cung cấp năng lượng – **power**)
(chạy bằng sức gió)

DẠNG 3: DANH TỪ + TÍNH TỪ

- **nation-wide** = **nation** (quốc gia) + **wide** (rộng)
(rộng khắp quốc gia)

- **smoke-free** = **smoke** (khói (thuốc)) + **free** (không có)
(không hút thuốc)

(đừng ai dịch nó là "tự do hút thuốc" nhé :3)

DẠNG 4: TÍNH TỪ + DANH TỪ

- **full-time** = **full** (đầy đủ) + **time** (thời gian)
(trọn thời gian)

Vd: - full-time job: công việc trọn thời gian

DẠNG 5: TÍNH TỪ + V-ing

- **good-looking** = **good** (hay, tốt) + **looking** (nhìn, trông – **look**)
(đẹp, xinh, trông được)

DẠNG 6: TÍNH TỪ + V-p2/ DANH TỪ+ed

=> Dạng này được dùng cho dạng gốc là TÍNH TỪ + DANH TỪ.

Vd: **three eyes** (3 mắt) , **old fashion** (thời trang cũ).

=> Khi chúng bổ nghĩa cho 1 Danh từ khác, Danh từ sau bị đổi về dạng +ED.

- **three-eyed** (có 3 mắt)

Vd: Three-eyed boy: cậu bé 3 mắt (tên 1 trò game 😊)

- **old-fashioned** (lỗi thời)

vd: old-fashioned concept (quan niệm lỗi thời).

DẠNG 7: TRẠNG TỪ + V-p2

=> Dạng này có dạng gốc là 1 câu BỊ ĐỘNG có Trạng từ đi cùng Động từ.

Vd: That writer is **known well**. (nhà văn đó thì nổi tiếng).

- **well-known** (nổi tiếng)

vd: a well-known writer (1 nhà văn nổi tiếng)

DẠNG 8: SỐ + DANH TỪ (+TÍNH TỪ)

- Ví dụ đơn giản nhất của dạng này là: a **seven-year-old** girl (1 cô bé 7 tuổi)

=> Danh từ sau số ở dạng này luôn luôn là số ÍT - dù số trước nó có lớn hơn 1 !

- a seven-**storey** house (1 ngôi nhà 7 tầng)

- an eighteen-**month**-old baby (1 đứa bé 18 tháng tuổi)

DẠNG 9: TỔNG HỢP: GHÉP CÁC TỪ BẤT KỲ LẠI VỚI NHAU

- **must-have** = **must** (phải) + **have** (có)
(phải có)

vd: - a must-have condition (1 điều kiện phải có).

BÀI TẬP 2:

1. Harry Potter is a _____ novel.
A. famously-world B. world-famous
C. famous-world D. worldly-famous
2. Switzerland is famous for its _____ mountains.
A. snow-covered B. snow-covering
C. covered-snow D. covering-snow
3. The woman lives with her _____ son in a small house.
A. five-years B. five-years-old
C. five-year-age D. five-year-old
4. The knight managed to slay the _____ dragon.
A. three-heading B. third-head
C. three-headed D. third-heading
5. Would you like to join our _____ club?
A. spoken-france B. French-spoken
C. French-speaking D. speaking-french
6. It was such a _____ festival that everyone was disappointed.
A. badly-prepared B. bad-preparing
C. prepared-badly D. preparing-bad
7. The huts have now been replaced with _____ houses.
A. building-new B. newly-building
C. new-building D. newly-built
8. It is very hard for our army to fight with _____ soldiers.
A. full-equip B. fully-equipped
C. fully-equipping D. full-equipment